TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Phạm Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2019, bản tự khai đề ngày 10-6-2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đ chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Chị T và anh Đ đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có ba con chung là cháu Lê Thanh Hoàng S, sinh ngày 22-02-2006; Lê N, sinh ngày 15-7-2008 và Lê Y, sinh ngày 15-7-2008. Chị T yêu cầu giao ba con chung cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 10-6-2019, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Lê Thanh Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị T về việc chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày. Chị T và anh Đ đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Chị T và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ thống nhất như lời trình bày của chị T về con chung là cháu Lê Thanh Hoàng S, sinh ngày 22-02-2006; Lê N, sinh ngày 15-7-2008 và Lê Y, sinh ngày 15-7-2008. Các con chung hiện đang ở với anh Đ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Đ đồng ý nuôi ba con chung. Chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, anh Đ đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T và bị đơn anh Lê Thanh Đ có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện anh Lê Thanh Đ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, chị T và anh Đ không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B có văn bản xác nhận không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của chị T và anh Đ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn; anh Đ có nơi cư trú tại ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị T và anh Đ chung sống như vợ chồng nhưng không cung cấp được văn bản thể hiện đã đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…". Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Đ không hợp pháp, không làm phát sinh nghĩa vụ vợ và chồng.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu giao 03 con chung là cháu Lê Thanh Hoàng S, sinh ngày 22-02-2006; Lê N, sinh ngày 15-7-2008 và Lê Y, sinh ngày 15-7-2008 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, các con chung hiện đang sinh sống ổn định với anh Đ. Tại biên bản lấy lời khai cháu S (bút lục 21), cháu N (bút lục 22) và cháu Y (bút lục 23) thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh Đ, anh Đ đồng ý nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử giao 03 con chung là cháu S, cháu N và cháu Y cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Chị T và anh Đ không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16 , khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T đối với anh Lê Thanh Đ về "Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Lê Thanh Hoàng S, sinh ngày 22-02-2006; Lê N, sinh ngày 15-7-2008 và Lê Y, sinh ngày 15-7-2008 cho anh Lê Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu S, N và Y đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Thanh Đ không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng). Tổng cộng chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0021012 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Buộc chị T tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng